

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/ HNGĐ - ST
Ngày 27 - 12 -2022
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Văn Khánh.
2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST- HNGĐ ngày 03/11/2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NT T, sinh năm: 1962.

- Bị đơn: Ông Trần Thích, sinh năm: 1960.

Cùng địa chỉ: Thôn Kim Thành Hạ, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Thảo, ông Thích đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên Bà NT T trình bày:*

Bà NT T và ông T Tchung sống với nhau từ năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc và sinh được mấy đứa con. Nhưng về sau ông Thích thường xuyên uống rượu và quậy phá, đánh đập bà Thảo. Bà Tđã bỏ về nhà mẹ đẻ của bà để nương nhờ từ 10 năm nay. Không còn quan tâm qua lại gì với ông Thích, nhưng ông Thích vẫn thường xuyên qua nhà gây gổ và đánh đập bà Thảo. Sự việc ông Thích đánh đập bà Tđã báo công an xã và công an xã đã mời ông Thích xuống làm việc. Nay xét thấy giữa Bà và ông Thích đã không còn tình cảm, cuộc sống

không hạnh phúc. Nên Bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Tđược ly hôn với ông Trần Thích.

Về con chung: Giữa bà Tvà ông Thích có 03 con chung tên: TTT S, sinh ngày 20/10/1981; Trần Sĩ, sinh ngày 16/8/1985 và TT T sinh ngày 15/8/1995. Hiện nay cả 03 con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2022, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn ông T Ttrình bày: ông Thích và bà Tchung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai vợ chồng sinh sống tại thôn Kim Thành Hạ, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi và sinh được 03 người con. Ông Thích và bà Tđã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay bà Tyêu cầu ly hôn thì ông Thích đồng ý ly hôn.

Con chung: Giữa ông Thích và bà Tcó 03 con chung tên: TTT S, sinh ngày 20/10/1981; Trần Sĩ, sinh ngày 16/8/1985 và TT T sinh ngày 15/8/1995. Hiện nay cả 03 con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Tvà ông Thích chung sống với nhau từ năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/02/2001, Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ, Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, Điều 53, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NT T, cho bà NT T ly hôn ông Trần Thích. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét; Bà Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà NT T và ông T Tchung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tháng 10/2022 bà Tcó đơn yêu cầu ly hôn nên Tòa án đã thụ lý là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bà Tvà ông Thích đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Bà Tcó đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Thích. Giữa bà Tvà ông Thích chung sống với nhau như vợ chồng, xác lập quan hệ vợ chồng với nhau trước ngày 03/01/1987, người có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký kết hôn có thẩm quyền nên theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 03/02/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ vợ chồng giữa bà Tvà ông Thích là hôn nhân thực tế, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập là Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 để giải quyết.

Nay bà NT T có yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Tvà ông Thích đã xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, không còn tình cảm. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bà Thảo, ông Thích đều đồng ý ly hôn, tại phiên tòa cả hai đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 chấp nhận cho bà NT T được ly hôn ông Trần Thích.

[4] Về con: Giữa bà Tvà ông Thích có 03 người con chung tên: TTT S, sinh ngày 20/10/1981; Trần Sĩ, sinh ngày 16/8/1985 và TT T sinh ngày 15/8/1995. Hiện nay cả 03 con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Bà NT T và ông T Tđều trình bày không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà NT T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 03/02/2001, Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ, Điều 26 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, Điều 53, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NT T.

1. Cho bà NT T được ly hôn ông Trần Thích.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà NT T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001632 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- UBND xã Hành Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diệu